

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG MẦM NON NGUYỄN CƯ TRINH

BIỂU MẪU 01

(Kèm thông tư số: 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Mức độ về sức khỏe mà trẻ em sẽ đạt được	Trẻ phát triển bình thường đạt 95%	Trẻ phát triển bình thường đạt 95 %
II	Mức độ về năng lực và hành vi mà trẻ em sẽ đạt được	Năng lực: 85% Hành vi: 85% PHÁT TRIỂN VỀ THỂ CHẤT - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. - Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi. - Có một số tổ chức vận động ban đầu (nhạy, khéo léo, thăng bằng cơ thể). - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay. - Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân. II. PHÁT TRIỂN VỀ NHẬN THỨC: - Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. - Có sự nhạy cảm của các giác quan. - Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản. - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.	Năng lực: 93% Hành vi: 91% I. PHÁT TRIỂN VỀ THỂ CHẤT - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Có một số tổ chức vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ. - Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân. II. PHÁT TRIỂN VỀ NHẬN THỨC: - Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.

		III. PHÁT TRIỂN VỀ NGÔN NGỮ: - Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. - Hồn nhiên trong giao tiếp. IV. PHÁT TRIỂN VỀ TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ: - Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. - Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt. - Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện....	- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu. - Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán. III. PHÁT TRIỂN VỀ NGÔN NGỮ: - Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày. - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...). - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. - Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết. IV. PHÁT TRIỂN VỀ TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI: - Có ý thức về bản thân. - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
--	--	---	--

			- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi. V. PHÁT TRIỂN VỀ THẨM MỸ: - Có khả năng cảm nhận về đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. - Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.
III	Chương trình chăm sóc, giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	Chương trình GDMN theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;	Chương trình GDMN theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
IV	Các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục	1. Phòng sinh hoạt chung: Đảm bảo đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng; lát sàn gỗ. có các thiết bị sau: - Bàn, ghế của trẻ đúng quy	1. Phòng sinh hoạt chung: Đảm bảo đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng; lát gạch màu sáng. có các thiết bị sau: - Bàn, ghế của trẻ đúng quy

		cách và đủ cho số trẻ trong lớp; - Bàn, ghế, bảng cho giáo viên; - Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu; - Hệ thống đèn, hệ thống quạt. 2. Phòng ngủ: Đảm bảo yên tĩnh, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Bao gồm các thiết bị sau: Nệm, gối, quạt; 3. Phòng vệ sinh: Phòng vệ sinh có các thiết bị sau: + Vòi nước rửa tay; + Ghế ngồi bô; + Bệ xí cho trẻ 24 - 36 tháng; + Vòi tắm; 4. Hiên chơi Đảm bảo an toàn; có lan can bao quanh cao 1m.	cách và đủ cho số trẻ trong lớp; - Bàn, ghế, bảng cho giáo viên; - Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu; - Hệ thống đèn, hệ thống quạt. 2. Phòng ngủ: Đảm bảo yên tĩnh, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Bao gồm các thiết bị sau: Nệm, gối, quạt; 3. Phòng vệ sinh: có chỗ riêng cho bé trai, bé gái. Có các thiết bị sau: + Vòi nước rửa tay; + Chỗ đi tiểu và bệ xí cho trẻ em trai và trẻ em gái; + Vòi tắm; 4. Hiên chơi Đảm bảo an toàn; có lan can bao quanh cao 1m.
--	--	---	--

Quận 1, ngày 05 tháng 9 năm 2022

Hiệu trưởng



Võ Thị Thanh Loan

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG MẦM NON NGUYỄN CƯ TRINH

BIỂU MẪU 02

(Kèm thông tư số: 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2022-2023

Đơn vị tính: trẻ em

ST T	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ	Mẫu giáo		
			25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	230	24	50	71	85
1	Số trẻ em nhóm ghép					
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày					
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	230	24	50	71	85
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập					
II	Số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở	230	24	50	71	85
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	230	24	50	71	85
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	230	24	50	71	85
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em					
1	Số trẻ em Kênh bình thường					
2	Số trẻ em SDD thể nhẹ cân					
3	Số trẻ em SDD thể còi					
4	Số trẻ em Thừa cân					
5	Số trẻ em Béo phì					
6	Phân loại khác					
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	230	24	50	71	85
1	Đối với nhà trẻ	24	24			
a	Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ 3-36 tháng					
b	Chương trình giáo dục mầm non - Chương trình giáo dục nhà trẻ	24	24			
2	Đối với mẫu giáo	206	206			
a	Chương trình chăm sóc giáo dục mẫu					

	giáo					
b	Chương trình 26 tuần					
c	Chương trình 36 buổi					
d	Chương trình giáo dục mầm non - Chương trình giáo dục mẫu giáo	206	206			

Quận 1, ngày 05 tháng 9 năm 2022

Hiệu trưởng



Võ Thị Thanh Loan

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2022 – 2023

	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	9	m²/trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	9	1.85m ² /trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	833.68m²	3.18m²/trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	539.3m²	2.05m²/trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	486	1.85m ² /trẻ.
2	Diện tích phòng chức năng		
	+ Thể dục:		
	+ Âm nhạc:	60m ²	
	+ Vật lý trị liệu (phòng trẻ mệt):		
3	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
4	Diện tích hiên chơi (m ²)		
5	Phòng nhân viên		
6	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m ²)	86m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	09 (Thông tư 02)	01 bộ/ 01 nhóm (lớp)
VIII	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...) - Máy vi tính - Máy chiếu - Máy in vi tính	Máy vi tính: 16 Máy chiếu: 01 Máy ảnh kỹ thuật số: 01 Bảng tương tác: 01. Máy in vi tính: 12 Tivi tương tác thông	

	- Tivi tương tác thông minh - Máy tính bảng	minh: 09				
IX	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)			
1	Ti vi	11	1 cái / 1 lớp			
2	Nhạc cụ (Đàn organ 1)	01				
3	Máy phô tô	01				
5	Cassette	01				
6	Đầu Video/đầu đĩa	01				
7	Đồ chơi ngoài trời	10				
8	Bàn ghế đúng quy cách	Bàn học sinh: 180 Ghế học sinh: 360				
9	Thiết bị khác (Âm thanh ngoài trời).....	01 bộ				
		Số lượng (m ²)				
X	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m ² /trẻ em		
			Chung	Nam/ Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	13	10		0.40 m ² /trẻ (106 m ² /	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	00	00			

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XV	Tường rào xây	x	

Quận 1, ngày 05 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG


Võ Thị Thanh Loan

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG MẦM NON NGUYỄN CƯ TRINH

BIỂU MẪU 04

(Kèm thông tư số: 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022-2023

ST T	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước NĐ 116 và tuyển dụng theo NĐ 116	Các hợp đồng khác	TS	ThS	ĐH	CĐ	TCCN	Dưới TCCN	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	26	22	04		01	17	04	00	04	
I	Cán bộ quản lý	03	03			01	02				
1	Hiệu trưởng	01	01				01				
2	Phó hiệu trưởng	02	02			01	01				
II	Giáo viên	18	18	00		00	15	03	00		
III	Nhân viên	05	01	04			00	01	00	04	
1	Nhân viên văn thư kiêm nhiệm thủ quỹ	01	01					01			
2	Nhân viên y tế kiêm nhiệm bán trú										
3	Nhân viên thư viện										
4	Nhân viên khác	04		04							

Quận 1, ngày 05 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Võ Thị Thanh Loan